

Bản án số: 777/2024/DS-PT

Ngày: 17 - 9 - 2024

V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 553/2024/TLPT - DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 304/2024/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2787/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm: 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: H Emerald Lane W, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 1 Lê Thị H, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 13/5/2023). (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Đình N, sinh năm: 1970 (có mặt);

Địa chỉ: 8 Bà H, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Vũ Thị N1, sinh năm: 1936 (có mặt);

Địa chỉ: B44 L, ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bà Lê Thị Giáng H1, sinh năm: 1955, chết ngày 15/4/2000.

* *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Giáng H1: Chi Hoàng Lê Kim N2, sinh năm: 1987 (vắng mặt);*

Địa chỉ: 6457 11th St N O, MN E, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: 1/101 L, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (giấy ủy quyền được Lãnh sự quán Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại N, Hoa Kỳ chứng thực ngày 08/11/2023).

1. Ông Lê Đình H2 (Le Hien D), sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ : D W, Van Couver BC, V5N3Z1, Canada;

1. Bà Lê Thị Ngân H3 (Le Ha Ngan T1), sinh năm 1961; (vắng mặt)

Địa chỉ : E Hartington Street Glenroy V, Australia;

5. Bà Lê Thị Bích H4 (L), sinh năm: 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ : 3745 Dominion ST, B, BC V, Canada.

6. Bà Lê Thị Thiên T2, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ : 3 C, Phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

7. Bà Lê Thị Hồng Y, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ : G E Avenue Vancouver BC V 2V5, Canada ;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2, bà H3, bà H4, bà T2, bà Y: Ông Hồ Minh T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: 1/101 L, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 27/10/2023).

8. Bà Lê Thị Thúy H5, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: 8 Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Lê Thị Thiên N3, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: D Đ, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Lê Đình Q, chết năm 2024.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q:

1. Bà Đoàn Thị Hoàng C, sinh năm 1969; (xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Lê Anh Q1, sinh năm 2002; (vắng mặt)

3. Ông Lê Anh Q2, sinh năm 2005; (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: B44 Lê Thị H3, ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh;
Địa chỉ: H T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin xét xử vắng mặt)

12. Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh; (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: **2 H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Người kháng cáo: Bị đơn ông **Lê Đình N.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O có người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Minh T trình bày:

Cụ Lê Văn H6, sinh năm: 1927, chết ngày 25/4/2023 và cụ Vũ Thị N1, sinh năm: 1936 có quan hệ vợ chồng; hai cụ có 12 người con chung, bao gồm:

Bà Lê Thị Giáng H1, sinh năm: 1955, chết ngày 15/4/2000 có con là bà Hoàng Lê Kim N2, sinh năm: 1987; ông Lê Đình H2 (Le Hien D), sinh năm: 1958; ông Lê Đình H7, sinh năm : 1957, chết năm: 1982, khi chết còn độc thân ; bà Lê Thị Ngân H3 (Le Ha Ngan T1), sinh năm: 1961; bà Lê Thị Bích H4, sinh năm: 1963; bà Lê Thị Thúy H5, sinh năm: 1965; bà Lê Thị Thiên T2, sinh năm: 1967; ông Lê Đình N, sinh năm: 1970; bà Lê Thị Thiên N3, sinh năm: 1971; ông Lê Đình Q, sinh năm: 1973; bà Lê Thị Hồng Y, sinh năm: 1974 và bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm: 1976. Ngoài ra, hai cụ đều không có con riêng, không có con nuôi. Quá trình chung sống hai cụ tạo lập 03 (ba) tài sản chung sau đây:

1. Nhà đất tại địa chỉ số A (số C) đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 25179/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 05/11/2001;

2. Nhà đất tại địa chỉ số B ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00245 do Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2015;

3. Nhà đất tại địa chỉ số B ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00232 do Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2015.

Ngày 16/12/2014, cụ H6 còn minh mẫn và lập Di chúc số công chứng 049617, quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh nội dung: Định đoạt phần sở hữu, sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở của cụ H6 tại địa chỉ số C đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được chia làm 12 phần, mỗi người con được hưởng một phần bằng nhau (1/12).

Ngày 25/4/2023, cụ H6 chết. Ông Lê Đình N yêu cầu được chia thừa kế theo Di chúc của cụ H6 số công chứng 000705, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh,

nội dung: Định đoạt toàn bộ phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của cụ H6 trong 03 tài sản chung nêu trên để lại cho ông Lê Đình N hưởng thừa kế. Lúc này, các anh chị em mới biết cụ H6 có lập Di chúc số công chứng 000705 ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1. Nhận thấy, Di chúc số công chứng 000705 ngày 18/01/2022 của cụ Lê Văn H6 lập tại Văn phòng C1 không đúng ý chí của cụ H6, vì:

- Cụ H6 đã 97 tuổi tại thời điểm lập Di chúc, không đủ minh mẫn và không đủ sức khỏe (từ khi 90 tuổi, gia đình đều biết sức khỏe của cụ H6 đã suy yếu, không còn đi lại được, không còn nhận biết rõ các đồ vật, mọi sinh hoạt đều phụ thuộc vào ông Q và bà H5 chăm sóc);

- Ông N không sống chung, không trực tiếp chăm sóc cha mẹ; người con là bà Lê Thị Thiên T2 bị khuyết tật, không có khả năng lao động, không thể tự chăm sóc bản thân nên việc cụ H6 để lại toàn bộ tài sản cho duy nhất ông N là rất vô lý;

- Cụ Vũ Thị N1 là vợ cụ H6, mẹ của ông N cho biết vào ngày lập Di chúc, ông N đến nhà nói chờ cụ H6 đi ký giấy tờ chứ không nói rõ ký giấy tờ gì. Khi biết có sự việc lập Di chúc ngày 18/01/2022 nêu trên, cụ N1 rất bức xúc và yêu cầu ông N phải từ chối, hủy bỏ Di chúc này. Cùng ngày 18/01/2022, ông N cũng chờ cụ N1 đi và yêu cầu cụ N1 đến Văn phòng C1 để lập Di chúc số công chứng 000704 ngày 18/01/2022 để lại toàn bộ phần sở hữu, sử dụng của cụ N1 trong khối tài sản chung cho ông Lê Đình N, nhưng sự việc này không đúng ý chí của cụ N1 nên vào ngày 06/5/2023 cụ Vũ Thị N1 đã lập Văn bản hủy bỏ Di chúc (số công chứng 000704 ngày 18/01/2022) này.

- Bà Trần Thị Lệ T3 là cháu gọi cụ N1 là dì ruột cho biết trước ngày 18/01/2022, ông N có nhờ bà T3 làm chứng Di chúc nhưng khi đọc nội dung chỉ để lại tài sản cho duy nhất ông N thì bà không đồng ý ký nữa vì không đúng ý chí của cụ H6.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Di chúc của cụ Lê Văn H6 số công chứng 000705, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh và công nhận Di chúc của cụ Lê Văn H6 số công chứng 049617, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 16/12/2014 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 14/3/2024, ông Hồ Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc công nhận Di chúc của cụ Lê Văn H6 số công chứng 049617, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 16/12/2014 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn xác định chỉ còn một yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Di chúc của cụ Lê Văn H6 số công chứng 000705, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/3/2024, nguyên đơn cung cấp bản sao (phô-tô) một số các Phiếu kết quả xét nghiệm và T4 thuộc bảo hiểm y tế của cụ Lê Văn H6 vào các năm 2017,

2018, 2019, 2020 thể hiện trong quá trình cụ H6 khám chữa bệnh tại Bệnh viện T6 để chứng minh cụ Lê Văn H6 không thể có đầy đủ sức khỏe (bị bệnh phổi, ù tai, lão thính, rối loạn tiền đình, tăng huyết áp, đái tháo đường, suy tim, bệnh gout, suy nhược cơ thể, viêm phế quản, viêm họng, lão thính, suy thận), tinh thần không đủ minh mẫn vào thời điểm lập Di chúc ngày 18/01/2022.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/5/2024, nguyên đơn cung cấp Tờ cam kết ngày 16/02/2022 do cụ Lê Văn H6 và cụ Vũ Thị N1 lập với nội dung thỏa thuận về việc không được bán nhà và không được phân chia nhà 396-398 C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà B để ra vào nhang đèn, quét dọn, không ai được ở, con cháu ở nước ngoài thì ở thoải mái vui chơi.

Hiện nay, cụ Vũ Thị N1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng và cho thuê 03 tài sản chung nêu trên của cụ N1 và cụ H6.

Tại các bản tự khai và biên bản do Tòa án lập, bị đơn ông Lê Đình N trình bày:

Ngày 18/01/2022, ông N là người chờ cha mình là cụ H6 đến Văn phòng C1 để cụ H6 lập Di chúc số công chứng 000705, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/01/2022. Khi lập Di chúc, cụ H6 có sức khỏe tốt và tinh thần minh mẫn và việc lập Di chúc đúng ý chí của cụ H6, trình tự thủ tục lập Di chúc đúng quy định pháp luật do Văn phòng C1 thực hiện nên ông N không đồng ý và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông N không yêu cầu chia thừa kế như nguyên đơn trình bày. Tại Phòng C2 là do cụ H6 không đồng ý Di chúc chứ không phải như lý do mà bà Trần Thị Lệ T3 đã trình bày. Hiện nay, mẹ ông N là cụ N1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng và cho thuê 03 tài sản chung nêu trên.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/5/2024, bà O cung cấp Tờ cam kết ngày 16/02/2022 do cha mẹ ông là cụ H6 và cụ N1 lập với nội dung về việc không được bán nhà và không được phân chia nhà 396-398 C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà B (hai căn nhà tại huyện H) để ra vào nhang đèn, quét dọn, không ai được ở, con cháu ở nước ngoài thì ở thoải mái vui chơi. Ông N cũng thừa nhận Tờ cam kết ngày 16/02/2022 là do cha mẹ ông là cụ H6 và cụ N1 lập trong lúc tinh thần còn sáng suốt, minh mẫn và không bị lừa dối hoặc ép buộc. Việc lập tờ cam kết ngày 16/02/2022 được hai cụ sửa đi, sửa lại 03 lần mới đồng ý. Sau khi hai cụ lập tờ cam kết thì có nhờ ông N đi đánh máy tờ cam kết về đưa lại cho hai cụ ký tên và ông N có đọc lại và cũng đồng ý với tờ cam kết ngày 16/02/2022.

Tại các bản tự khai và biên bản do Tòa án lập, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Lê Kim N2, ông Lê Đình H2, bà Lê Thị Ngân H3, bà Lê Thị Bích H4, bà Lê Thị Thiên T2, bà Lê Thị Hồng Y có ông Hồ Minh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hoàng Lê Kim N2, ông Lê Đình H2, bà Lê Thị Ngân H3, bà Lê Thị Bích H4, bà Lê Thị Thiên T2, bà Lê Thị Hồng Y thống nhất với phần trình bày

và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xác định đều không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại các bản tự khai và biên bản do Tòa án lập, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Vũ Thị N1 trình bày:

Cụ N1 thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xác định bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Tuy nhiên, cụ N1 có nguyện vọng là bà còn 10 người con (còn sống) thì đề nghị có 03 khối tài sản nêu trên sau này sẽ chia thừa kế bằng nhau cho 10 người con của hai cụ.

Tại các bản tự khai và biên bản do Tòa án lập, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thúy H5 trình bày:

Bà H5 thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xác định bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại các bản tự khai và biên bản do Tòa án lập, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình Q trình bày:

Ông Q thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xác định ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Đến ngày 17/4/2024 ông Lê Đình Q chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q là bà Đoàn Thị Hoàng C (vợ ông Q), anh Lê Anh Q2 và anh Lê Anh Q1 (con ông Q), thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều xin xét xử vắng mặt.

Tại Công văn số: 183/VPCC-ĐV ngày 19/9/2023, Công văn số 235/VPCC-ĐV ngày 25/11/2023 và Công văn số 258/VPCC-ĐV ngày 20/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 trình bày:

Di chúc của ông Lê Văn H6 số công chứng 000705, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1 có nội dung ông H6 để lại phần quyền sử dụng đất và phần quyền sở hữu nhà ở của ông H6 trong khối tài sản chung với bà Vũ Thị N1 (03 tài sản chung của ông H6 và bà N1 theo phần trình bày của nguyên đơn nêu trên) cho ông Lê Đình N. Chữ viết trong Di chúc ngày 18/01/2022 của ông H6 rõ ràng, ông H6 đã tự ghi “Tôi đã đọc và đồng ý toàn bộ nội dung Di chúc đúng với ý chí và nguyện vọng của tôi” trước khi ký tên và điểm chỉ vào Di chúc. Người làm chứng cũng xác nhận ông H6 lập Di chúc trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt. Do vậy, công chứng viên Văn phòng C1 đã thực hiện việc công chứng Di chúc đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Ngày 18/01/2022, tại Văn phòng C1, ông Lê Văn H6 không thông báo cho Công chứng viên biết ông từng có lập Di chúc số công chứng 049671 ngày 16/12/2014 tại Phòng C2. Công chứng viên không có quyền yêu cầu ông H6 phải thông báo về các Di chúc đã lập trước đây theo quy định tại khoản 3 Điều 640 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đồng thời, Văn phòng C1 xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

Tại Công văn số 443/CC4 ngày 27/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Phòng C2 không nhận được bất kỳ thông báo của ông Lê Văn H6 về việc thay đổi Di chúc số công chứng 049617 do Phòng C2 chứng nhận ngày 16/12/2014. Sau khi công chứng Di chúc số công chứng 049617 ngày 16/12/2014, ông H6 không có yêu cầu Phòng C2 lưu giữ Di chúc này nên ông H6 không phải thông báo cho Phòng C2 biết việc ông có lập Di chúc khác thay thế Di chúc số công chứng 049617 ngày 16/12/2014.

Tại Bản tự khai ngày 12/01/2024, người làm chứng bà Phạm Thị Hoài T5 trình bày:

Ông Lê Văn H6 là người mời bà T5 làm chứng trong việc lập Di chúc ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1. Tại thời điểm lập Di chúc, ông H6 có đủ sức khỏe, minh mẫn, sáng suốt để đọc và hiểu rõ nội dung tờ Di chúc. Đồng thời bà T5 xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản khai ngày 16/01/2024, người làm chứng bà Phạm Thị P trình bày:

Ông Lê Văn H6 là người mời bà P làm chứng trong việc lập Di chúc ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1. Tại thời điểm lập Di chúc, ông H6 có đủ sức khỏe, minh mẫn, sáng suốt để đọc và hiểu rõ nội dung tờ Di chúc. Đồng thời bà P xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Biên bản làm việc ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, người làm chứng bà Trần Thị Lệ T3 trình bày:

Bà T3 là cháu ruột, gọi cụ Vũ Thị N1 là dì. Khoảng tháng 01/2022, cụ N1 có nhờ bà T3 đến Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh để làm chứng việc cụ Lê Văn H6 lập Di chúc để lại toàn bộ tài sản của cụ H6 cho ông Lê Đình N nhưng cụ H6 không đồng ý lập Di chúc với nội dung như trên. Khoảng 01 tháng sau, ông N cho biết cụ H6 đã lập Di chúc tại Văn phòng C1. Ngoài ra, bà không còn biết nội dung gì khác liên quan đến tranh chấp trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 304/2024/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 37 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 627, khoản 1 Điều 628, Điều 630 và Điều 640 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O đối với bị đơn ông Lê Đình N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về việc kiện: “Tranh chấp liên quan yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

- Hủy Di chúc của cụ Lê Văn H6 số công chứng 000705, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O yêu cầu công nhận Di chúc của cụ Lê Văn H6 số công chứng 049617, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 16/12/2014 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lê Đình N có đơn kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Đình N trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay không có mặt bà Lê Thị Thiên T2; lời khai của các đương sự hôm nay không chứng minh được năng lực hành vi dân sự của bà T2 có đảm bảo hay không nên đề nghị Hội đồng xét xử kiểm tra lại. Tại phiên tòa phát sinh Kết luận giám định tâm thần của Lê Anh Q1, chưa có thủ tục cử người giám hộ cho ông Q1, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình N làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Di chúc của cụ Lê Văn H6 số công chứng 000705, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/01/2022 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh và công nhận Di chúc của cụ Lê Văn H6 số công chứng 049617, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 16/12/2014 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật. Quá

trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc công nhận Di chúc số công chứng 049617 có hiệu lực pháp luật và xác định chỉ còn yêu cầu tuyên hủy Di chúc số công chứng 000705 của cụ Lê Văn H6. Cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

[2.2] Cụ Lê Văn H6, sinh năm 1927, chết ngày 25/4/2023 và cụ Vũ Thị N1, sinh năm 1936 có quan hệ vợ chồng là vợ chồng hợp pháp, các cụ có 12 người con chung gồm Lê Thị Giáng H1, Hoàng Thị Kim N4, Lê Đình H2, Lê Đình H7, Lê Thị Ngân H3, Lê Thị Bích H4, Lê Thị Thúy H5, Lê Thị Thiên T2, Lê Đình N, Lê Thị Thiên N3, Lê Đình Q (có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Đoàn Thị Hoàng C, ông Lê Anh Q1, ông Lê Anh Q2), Lê Thị Hồng Y, Lê Thị Hoàng O.

Quá trình chung sống hai cụ tạo lập được 03 tài sản chung gồm: nhà đất tại địa chỉ số A (số C) đường C, Phường D, quận T; nhà đất tại địa chỉ số B ấp C, xã T, huyện H; nhà đất tại địa chỉ số B ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay các đương sự đang tranh chấp yêu cầu hủy văn bản công chứng (Di chúc số công chứng 000705) liên quan đến di sản thừa kế nêu trên.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa tất cả những người con của cụ H6 và cụ N1 vào tham gia tố tụng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/8/2024, qua phần xét hỏi, Hội đồng xét xử xét thấy trong những người tham gia tố tụng có bà Lê Thị Thiên T2 – là con của cụ H6, cụ N1, cũng là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất có dấu hiệu không nhận thức, điều khiển được hành vi. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/9/2024, bị đơn ông Lê Đình N cũng thừa nhận bà T2 không bình thường; duy chỉ có người đại diện theo ủy quyền của bà O cho rằng bà T2 bình thường. Tại bản tự khai (BL102-103), người đại diện theo ủy quyền của bà O trình bày trong các anh chị em của bà O, ông N có “*bà Lê Thị Thiên T2 là người khuyết tật, không có khả năng lao động, không thể tự chăm sóc bản thân...*”. Vì vậy, có căn cứ xác định bà T2 có dấu hiệu bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi như bị đơn trình bày. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thể hiện bà T2 ủy quyền cho ông Hồ Minh T tham gia tố tụng, theo giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 27/10/2023. Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa công chứng hợp đồng ủy quyền của bà T2 và ông T trong khi bà T2 được xác định là người khuyết tật, không điều khiển được hành vi; hồ sơ công chứng không thể hiện có giấy khám sức khỏe chứng minh bà T2 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự là trái với quy định pháp luật.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đối với Lê Anh Q1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Đình Q. Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/8/2024, bà Đoàn Thị Hoàng C - mẹ của Lê Anh Q1, cũng là một trong những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q trình bày hiện nay Lê Anh Q1 đang bị bệnh tâm thần nên không tham gia giải quyết vụ án được; bà C đại diện theo pháp luật cho Lê Anh Q1 và có ý kiến đồng ý với bản án sơ thẩm, không có kháng cáo. Tuy nhiên, hồ sơ kèm theo đơn xin vắng mặt bao gồm Kết

luận giám định pháp y tâm thần, biên bản giao nhận người chấp hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh và quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự của Công an huyện H; không thể hiện việc tuyên bố Lê Anh Q1 mất năng lực hành vi dân sự và xác định người giám hộ cho Lê Anh Q1 theo luật định.

Xét thấy, trường hợp bà Lê Thị Thiên T2, Lê Anh Q1 bị mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì cần thực hiện thủ tục tuyên bố mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Điều 376, 377, 378 Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời cử người giám hộ, hoặc xác định người giám hộ đương nhiên theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật dân sự 2015 mới đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật; đảm bảo được quyền lợi cho các đương sự trong vụ án.

Do thủ tục tố tụng chưa đảm bảo đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Quá trình xét xử sơ thẩm, bà T2 không trực tiếp tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ trên hợp đồng ủy quyền công chứng nên không phát hiện được việc bà T2 bị mất năng lực hành vi dân sự và tiến hành giải quyết vụ án; Lê Anh Q1 được kết luận hạn chế khả năng nhận thức hành vi sau thời điểm xét xử sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm được xác định là không có lỗi.

[3] Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình N.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 304/2024/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo quy định pháp luật.

Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng được giải quyết lại trong quá trình xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Đình N không phải chịu. H8 lại cho ông N 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005538 ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự (14);
- Lưu: HSVA (2), VP (3) 24B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy